

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU, BIÊN SOẠN LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ ĐỊA PHƯƠNG

LÊ MINH PHƯƠNG*

Trong những năm qua, công tác nghiên cứu, biên soạn (NCBS) lịch sử Đảng bộ địa phương đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tái hiện chân thực và khách quan lịch sử hoạt động vô cùng phong phú, vẻ vang, tổng kết những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng bộ các địa phương; giáo dục truyền thống, bồi dưỡng ý chí và tình cảm cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nâng cao lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy Đảng; làm sáng tỏ và bổ sung cơ sở lịch sử quan trọng cho việc xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.

Thành tựu quan trọng nhất trong quá trình tổ chức, triển khai công tác NCBS lịch sử Đảng bộ trong những năm đổi mới, đặc biệt từ khi có Chỉ thị 15 của Ban Bí thư, ngày 28-8-2002 *Về tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*, đó là nhận thức của cấp ủy, chính quyền và đội ngũ cán bộ làm công tác lịch sử Đảng ở các địa phương về vai trò, vị trí của công tác NCBS, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng đã được nâng lên một bước rõ rệt. Từ đó, nhiều địa phương trong cả nước đã tích cực, chủ động đề ra

các chủ trương, giải pháp để đẩy mạnh công tác biên soạn, xuất bản sách lịch sử Đảng bộ và thu được những kết quả bước đầu quan trọng.

Số đầu sách lịch sử Đảng bộ địa phương được xuất bản không ngừng tăng nhanh về số lượng, nâng cao về chất lượng. Tính chung trong 5 năm (2002 – 2007), đã có 372 công trình lịch sử Đảng bộ, lịch sử truyền thống các ban, ngành ở cấp tỉnh, gần 530 công trình lịch sử ở cấp huyện, thị xã và hơn 1.500 công trình lịch sử cấp xã, phường, thị trấn được biên soạn, xuất bản¹.

Nhìn chung các công trình đã biên soạn, xuất bản đảm bảo tính đảng, tính khách quan, khoa học, nội dung đảm bảo tính thống nhất chung với lịch sử toàn Đảng, đồng thời thể hiện rõ những nét đặc thù, độc đáo riêng của địa phương, góp phần làm phong phú thêm lịch sử chung toàn Đảng và lịch sử của dân tộc. Lịch sử Đảng bộ các địa phương được dựng lại một cách đầy đủ, chân thực và sinh động hơn, khắc phục từng bước sự phản ánh xuôi chiều, chỉ nhấn mạnh, tô đậm thắng lợi, thành tựu mà né tránh những thiếu sót, khuyết điểm. Nhiều công trình chú ý tổng kết thực tiễn lịch sử và kinh nghiệm của từng địa phương. Do vậy, đã góp phần quan trọng vào công tác tư tưởng lý luận, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng trong sự nghiệp đổi mới.

* Học viện CT- HC Quốc gia Hồ Chí Minh

Cùng với những thành tích đạt được, công tác NCBS lịch sử Đảng bộ địa phương những năm qua còn không ít hạn chế, khó khăn, đó là: Chất lượng khoa học của các công trình lịch sử Đảng bộ còn chưa cao; còn nặng về miêu tả diễn biến sự kiện, chưa chú trọng đúng mức tính tổng kết. Việc tổ chức học tập, phát huy tác dụng của các công trình đã xuất bản chưa đi vào nề nếp.

Một số cấp uỷ, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác NCBS, chưa xây dựng được kế hoạch NCBS, xuất bản lịch sử Đảng bộ một cách khoa học, thường xuyên và lâu dài để chủ động thực hiện, cho nên sự phối hợp để giải quyết các vấn đề như biên chế cán bộ, kinh phí biên soạn còn lúng túng, chưa kịp thời. Việc kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện chưa thường xuyên, thiếu sâu sát, dẫn đến tiến độ biên soạn, xuất bản ở một số địa phương còn chậm.

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng ở địa phương hiện còn nhiều bất cập, nhất là cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, vừa thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng và trình độ nghiệp vụ chuyên môn. Theo số liệu khảo sát thực tế năm 2007, cả nước có 62/64 tỉnh, thành phố có Phòng Lịch sử Đảng, với 220 cán bộ; trong đó số cán bộ trực tiếp làm công tác lịch sử Đảng là 157 đồng chí (chiếm 71,4%). Trong đó có 150 cán bộ được đào tạo và bố trí đúng ngành nghề (gồm có 6 tiến sĩ, 15 thạc sĩ, 129 cử nhân); còn lại 70 cán bộ bố trí công việc trái với ngành nghề đào tạo².

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan chức năng đối với công tác NCBS, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng ở các địa phương còn nhiều bất cập, thiếu sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ.

Trước những yêu cầu ngày càng to lớn và

cấp thiết của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới, để tiếp tục thực hiện tốt công tác NCBS lịch sử Đảng bộ địa phương, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp chủ yếu:

Một là, tiếp tục quán triệt sâu rộng hơn nữa nội dung Chỉ thị 15 của Ban Bí thư *Về tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Các cấp uỷ địa phương phải coi công tác NCBS, tuyên truyền giáo dục lịch sử Đảng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác chính trị – tư tưởng của các cấp uỷ, của mỗi tổ chức Đảng.

Hai là, tăng cường sự phối hợp chỉ đạo, điều hành giữa các cơ quan chức năng ở Trung ương và địa phương đối với công tác NCBS lịch sử Đảng bộ địa phương. Nâng cao hiệu quả chỉ đạo hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, thẩm định các công trình lịch sử Đảng trước khi xuất bản; nâng cao chất lượng hoạt động tham mưu với cấp uỷ các địa phương trong xây dựng kế hoạch NCBS lịch sử Đảng.

Ba là, tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng và kiện toàn đội ngũ cán bộ theo hướng ổn định, lâu dài, thống nhất về tổ chức bộ máy, quy chế hoạt động. Bố trí đủ cán bộ chuyên trách (đúng chuyên ngành đào tạo, trong biên chế) thuộc Ban tuyên giáo cấp huyện, quận trong toàn quốc. Học viện Chính trị – Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì và phối hợp với các cơ quan chuyên môn sớm xây dựng kế hoạch (hàng năm và dài hạn) về mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác NCBS, tuyên truyền, giảng dạy lịch sử Đảng. Quan tâm thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ lịch sử Đảng cả về vật chất và tinh thần. Tăng cường đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc phục vụ công tác NCBS lịch sử Đảng bộ ở địa phương.

Bốn là, nâng cao chất lượng biên soạn theo hướng chú trọng tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo, kinh nghiệm công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ cách mạng, nhất là việc tổng kết giai đoạn lãnh đạo công cuộc đổi mới. Coi trọng nâng cao chất lượng và ý nghĩa lý luận của các công trình lịch sử Đảng bộ. Vận dụng những thành quả nghiên cứu mới trong phân tích, đánh giá các sự kiện và nhân vật lịch sử; trình bày đúng những thành tựu, ưu điểm, những đóng góp của Đảng bộ và nhân dân địa phương đối với cách mạng cả nước, đồng thời nêu rõ những hy sinh, tổn thất, khuyết điểm, sai lầm và thất bại, có sự phân tích lịch sử với thái độ khách quan, khoa học. *Tạp chí Lịch sử Đảng* cần tăng cường đăng tải những kết quả nghiên cứu mới, đặc biệt là những sự kiện lịch sử diễn ra ở các địa phương còn chưa được làm rõ, có nhiều ý kiến trái ngược trong việc đánh giá; các bài nghiên cứu, hướng dẫn về phương pháp nghiên cứu, biên soạn, phương pháp tổng kết thực tiễn.

Năm là, đối với công tác sưu tầm, xác minh tư liệu, các cấp ủy địa phương sớm có kế hoạch sưu tầm bổ sung những tư liệu lịch sử còn trống, nhất là trong giai đoạn từ 1930 đến 1975. Do công tác lưu trữ trong giai đoạn này gặp rất nhiều khó khăn, có thời kỳ Đảng ta phải hoạt động trong điều kiện bí mật và trải qua hai cuộc chiến tranh ác liệt, nên hầu hết tư liệu bị thất lạc, mất mát hoặc hư hại; rất nhiều sự kiện lịch sử trong giai đoạn này chưa được làm rõ, cần phải tiếp tục xác minh qua nhiều nguồn tư liệu khác nhau. Bởi vậy, các cấp ủy địa phương cần xây dựng phương hướng cụ thể phối hợp chặt chẽ với các cơ quan lưu trữ, các nhân chứng lịch sử tiếp tục đẩy nhanh hoạt động khai thác tư liệu lịch sử có liên quan để sớm bổ sung nhằm làm sáng tỏ những sự kiện, nhân vật, nhận định,

đánh giá... chưa chính xác hoặc còn trống trong lịch sử Đảng bộ địa phương. Chủ động bố trí thời gian và tăng nguồn kinh phí cho công tác tư liệu và có chính sách thu hút các cộng tác viên ở các cơ quan lưu trữ tham gia sưu tầm, xác minh tư liệu, cử người có trình độ, uy tín gặp gỡ các nhân chứng lịch sử, những đồng chí lãnh đạo địa phương qua các thời kỳ để trao đổi các nội dung cần phỏng vấn, ghi chép lại dưới dạng hồi ký, phục vụ cho công tác NCBS. Đây là việc các cấp ủy địa phương cần sớm có kế hoạch triển khai ngay, bởi lẽ các nhân chứng lịch sử tuổi tác ngày càng cao, theo thời gian họ sẽ ngày càng ít đi.

Những tư liệu mới sưu tầm cần tiến hành xác minh, thẩm định theo một quy trình chặt chẽ, khoa học.

Đối với các huyện, xã, phường mới thành lập (do chia tách), trước khi NCBS lịch sử chính thức, cần có kế hoạch triển khai viết biên niên sử.

Cùng với tích cực triển khai công tác sưu tầm, xác minh tư liệu, các cấp ủy địa phương cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác lưu trữ tư liệu lịch sử. Các cơ quan lưu trữ ở Trung ương và địa phương xây dựng quy chế và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận, khai thác hợp lý các nguồn tư liệu tại các kho lưu trữ, phục vụ trực tiếp cho công tác biên soạn.

Sáu là, đối với công tác thẩm định bản thảo, Ban Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh cần có quy định cụ thể hơn về trách nhiệm, quyền hạn của Viện lịch sử Đảng đối với việc thẩm định bản thảo các công trình lịch sử Đảng bộ, tạo điều kiện về biên chế cán bộ, có chính sách thu hút các nhà khoa học có chuyên môn cao của Viện tham gia công tác thẩm định; tăng cường đầu tư các điều kiện về phương tiện đi lại, kinh phí hoạt động cho công tác này.

Ban Tuyên giáo tỉnh uỷ các địa phương cần tạo điều kiện về thời gian, bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn vững vàng tham gia công tác thẩm định; nâng cao chất lượng thẩm định các công trình lịch sử Đảng bộ cấp huyện, xã trước khi xuất bản.

Bảy là, coi trọng công tác truyền bá tri thức lịch sử Đảng, giáo dục lịch sử Đảng cho tương xứng, phải xác định đó là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác tư tưởng, lý luận của các cấp uỷ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục lịch sử Đảng, lịch sử cách mạng trong các trường học, trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động, rộng khắp và phù hợp với từng đối tượng, trên báo chí, phát thanh, truyền hình...cổ vũ những nơi làm tốt, có kinh nghiệm trong công tác lịch sử Đảng.

Cần có chế độ, quy định cụ thể về việc học tập, nghiên cứu, tuyên truyền lịch sử Đảng bộ, lịch sử truyền thống tại các trường chính trị tỉnh, các trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, trong sinh hoạt chi bộ và tại các lớp bồi dưỡng đảng viên mới... Ngành giáo dục qui định rõ về nội dung chương trình, số tiết học lịch sử Đảng bộ địa phương trong nhà trường phổ thông, có thể xây dựng thành môn học lịch sử địa phương (trong đó có thời lượng xứng đáng về lịch sử Đảng bộ), làm cho lịch sử Đảng, lịch sử dân tộc thấm sâu vào tâm khảm của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

1. Tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 15 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Khoá IX về công tác lịch sử Đảng (2002- 2007) và phương hướng, nhiệm vụ từ năm 2008 đến 2012, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 3- 2008

2. Xem Nguyễn Tinh Khâm: *Về đội ngũ cán bộ làm công tác lịch sử Đảng*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 3-2007.

VỀ TÁC PHẨM "CHUNG TỘC DA ĐEN"...

(Tiếp theo trang 65)

13. "Trên chiến trường". Nội dung phần này cho biết trong chiến tranh thế giới thứ nhất, hàng vạn người da đen ở các nước thuộc địa châu Phi đã bị huy động ra chiến trường làm "bia đỡ đạn". Hàng nghìn người trong số họ đã bỏ mạng vì bom đạn, bệnh tật và đói rét. Còn ở nước Mỹ cũng có rất nhiều thanh niên da đen tham gia quân ngũ, nhưng họ bị phân biệt đối xử, không được giữ các chức vụ quan trọng như người da trắng.

14. "Cuộc đấu tranh vì tự do". Tác giả khẳng định quy luật: "Ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh" và điều này cũng không là ngoại lệ đối với người da đen. Tác giả đã giới thiệu sơ lược về lịch sử đấu tranh ngoan cường của người dân châu Phi nói riêng và người da đen nói chung và tin tưởng vào tương lai tươi sáng hơn đối với họ...

Cùng với *Bản án chế độ thực dân Pháp* và nhiều bài viết khác trong những năm đầu của thế kỷ XX, *Chung tộc da đen* của Nguyễn Ái Quốc ra đời năm 1928 đã giáng một đòn tiến công quyết liệt vào chủ nghĩa thực dân và CNDQ. Tác phẩm này cũng là một cống hiến quan trọng của Người đối với phong trào đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa, đặc biệt là ở châu Phi. Việc tác phẩm này được dịch và in lần đầu vào năm 1928 với số lượng lớn, chứng tỏ vai trò và vị trí của Nguyễn Ái Quốc đã được khẳng định trong phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, khi Người mới ở tuổi 38.

1. Nội dung của phần này gần giống với bản đã in trong *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.1, tr.306.